

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-4-2021.

V/v “*Không công nhận vợ
chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng và ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 909/2020/TLST- HNGĐ ngày 28/10/2020, về việc “*Không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị Ánh V, sinh năm 1980; HKTT: Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nơi tạm trú: Tổ 2, ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Vũ Đức Q, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Phan Thị Ánh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức Q tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 2001, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị làm ăn thua lỗ nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, giữa vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, không còn tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không

công nhận chị với anh Vũ Đức Q là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung tên: Vũ Quỳnh H, sinh ngày 05/6/2002 và cháu Vũ Mạnh H, sinh ngày 22/11/2004. Cháu H hiện đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị yêu cầu giao con chung là cháu H cho anh Q nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Vũ Đức Q, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Không công nhận vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu chị V xét thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị V và biên bản xác minh tại

địa phương xác định chị V và anh Q về chung sống với nhau từ năm 2001, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định tại Điều 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX không công nhận chị V và anh Q là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Chị V, anh Q có 02 con chung tên: Vũ Quỳnh H, sinh ngày 05/6/2002 và cháu Vũ Mạnh H, sinh ngày 22/11/2004. Cháu H hiện đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với con chung là cháu H, HĐXX xét thấy chị V yêu cầu giao cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật, bởi từ khi anh chị ly thân đến nay anh Q là người nuôi dưỡng cháu H và cháu được phát triển toàn diện về mọi mặt, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng được ở với anh Q nếu Tòa án giải quyết cho chị V, anh Q ly hôn.

Chị V cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét yêu cầu này của chị V là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 11, 12 và Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Các điều 8, 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ánh V về việc “Không công nhận vợ chồng”.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phan Thị Ánh V và anh Vũ

Đức Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung tên Vũ Quỳnh H, sinh ngày 05/6/2002 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên Vũ Mạnh H, sinh ngày 22/11/2004 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Vinh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0004959 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị V và anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;
- UBND xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

